| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 159/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 14-4-2025<br>V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Mai Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Nguyễn Phương Ly

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987; số CCCD: 017187000144; địa chỉ đăng ký thường trú: Xóm Chiệng, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ cư trú: Xóm Chiệng, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1990; số CCCD: 036090004862; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định (địa chỉ cũ: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc), tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định (địa chỉ cũ: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc), tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị T và anh L có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện ngày 14-3-2025, bản tự khai ngày 20-3-2025, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nay là xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định) vào ngày 15-5-2023. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, vợ chồng mâu thuẫn còn do tính chất công việc, không có nhiều thời gian gặp gỡ nên vợ chồng thiếu tin tưởng nhau. Từ tháng 6 năm 2024, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên đã ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20-5-2023, giới tính: Nam, hiện đang ở với chị. Quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại bản tự khai ngày 28-3-2025 và đơn xin vắng mặt ngày 09-4-2025, bị đơn là anh Trần Văn L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị Bùi Thị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa do chị T và mẹ đẻ anh xảy ra mâu thuẫn nên cũng ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nay chị Bùi Thị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn quan điểm của anh cũng nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không đoàn tụ được.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20-5-2023, giới tính: Nam. Nếu ly hôn anh nhất trí giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*3. Tại đơn đề nghị ngày 28-3-2025 của anh Trần Văn L (có xác nhận của chính quyền địa phương) xác định*: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 15-5-2023 tại UBND xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nay là xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định), tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và

tính cách. Anh chị có 01 (một) con chung là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20-5-2023, giới tính: Nam.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 15-5-2023 tại UBND xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nay là xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định), tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị T và anh L đều xác nhận vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị T và anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L.

2.2 Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L có 01 (một) con chung là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20-5-2023, giới tính: Nam. Xét thấy, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng; chị T và anh L đều có quan điểm thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với thực tế Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đăng Khoa cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20-5-2023, số định danh cá nhân: 036223006441, giới tính: Nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn L vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002664 ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hiền**